

ĐIỀU LỆ

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

(ĐIỀU LỆ ĐIỀU BỊ U CÔNG ĐOÀN TOÀN QUỐC LẦN THỨ X THÔNG QUA NGÀY 5 THÁNG 11 NĂM 2008)

HUY HIỆU CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

1. Bánh xe răng màu đen công nghiệp đặt ở trung tâm quai đầu a (có số lượng 13 răng bánh xe).
2. Phía trên bánh xe răng có Quai đầu Việt Nam, lá cờ màu đỏ tươi, ngôi sao vàng tươi ở chính giữa lá cờ.
3. Thước kẻ màu đen đặt bên trong bánh xe răng công nghiệp, trên nền màu xanh da trời.
4. Quyển sách màu trắng đặt phía trước, bên dưới bánh xe răng.
5. Phần dưới dưới quai đầu a có “TLĐ” trên nền giấy cuộn cách điệu màu xanh công nhân.
6. Đường kính tuyến, vĩ tuyến của quai đầu a màu trắng, trên nền màu vàng nhũ kim.

Công đoàn Việt Nam tiến thân là Tổng Công hội đỏ Bắc bộ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929, nay là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh về mặt số lượng; có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng; có chức năng: Địch diện bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động (CNVCLĐ); tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế; giáo dục, động viên CNVCLĐ phát huy quyền làm chủ đất nước, tổ chức hiên nghĩa và công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam luôn luôn trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, động viên phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, tăng cường và mở rộng hợp tác với công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc hữu nghị, đoàn kết, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi, phấn đấu cho mục tiêu: Vì lợi ích người lao động, vì hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc, phát triển và tiến bộ xã hội.

Chương I

ĐOÀN VIÊN VÀ CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN

Điề u 1. CNVCLĐ Việt Nam làm công, hưởng lương; người lao động tự do hợp pháp, không phân biệt nghề nghiệp, nam nữ, tín ngưỡng, n ưu tán thành Điề u I Công đoàn Việt Nam, tự nguyện sinh hoạt trong mặt tổ chức của công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định thì được gia nhập công đoàn.

Điều 2. Người gia nhập Công đoàn phải có đủ năng lực pháp luật. Ban chấp hành công đoàn cấp sơ hoặc công đoàn cấp trên xét, ra quyết định nhập và trao thẻ đoàn viên công đoàn. Khi chuyển nơi làm việc, đoàn viên xuất trình thẻ đoàn viên công đoàn với ban chấp hành công đoàn cấp sơ nơi mới để được tiếp tục sinh hoạt công đoàn. Khi đoàn viên xin thôi tham gia sinh hoạt công đoàn, ban chấp hành công đoàn cấp sơ xóa tên và thu lại thẻ đoàn viên.

Điều 3. Đoàn viên có quyền:

1. Được cung cấp thông tin, thảo luận, đề xuất và biểu quyết công việc của công đoàn; ứng cử, được cử và bầu cử các quan lãnh đạo công đoàn; ngừng đoàn viên ưu tú được công đoàn giới thiệu để được xem xét nhập, giới thiệu để bầu vào các quan lãnh đạo của đảng (nếu là đảng viên), của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội khác; được phê bình, chất vấn cán bộ lãnh đạo công đoàn, kiện nghị bãi miễn cán bộ công đoàn có sai phạm.
2. Được yêu cầu công đoàn bảo vệ nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm; đề nghị tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
3. Được công đoàn tạo điều kiện miễn phí về pháp luật lao động và công đoàn; hỗ trợ giúp đỡ tìm việc làm, học nghề; ưu tiên xét vào học tập các trường, lớp do công đoàn tổ chức; thăm hỏi, giúp đỡ lúc ốm đau hoặc khi gặp hoàn cảnh khó khăn; được tham gia các sinh hoạt văn hóa, thể thao, du lịch, nghỉ ngơi do công đoàn tổ chức.
4. Khi nghỉ hưu, đoàn viên được nghỉ sinh hoạt công đoàn, được công đoàn cấp sơ nơi làm thẻ tiếp nhận và công đoàn địa phương nơi cư trú giúp đỡ, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; được tham gia sinh hoạt câu lạc bộ hưu trí, ban liên lạc hưu trí do công đoàn giúp đỡ.

Điều 4. Đoàn viên có nhiệm vụ:

1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Thực hiện các quy định của công đoàn, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí, tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn.
3. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, tay nghề; rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.
4. Giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ nghề nghiệp, lao động có hiệu quả và tổ chức tốt cuộc sống; đoàn kết giúp nhau bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn.

Điều 5. Cán bộ công đoàn

1. Cán bộ công đoàn là người được bầu vào các chức danh thông qua bầu cử tại đơn vị hoặc hội nghị công đoàn (tổ công đoàn trở lên); được cấp quan, đơn vị có thẩm quyền của công đoàn chấp thuận hoặc bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ công đoàn hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

2. Cán bộ công đoàn gồm cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách.

a. Cán bộ công đoàn chuyên trách là những người đảm nhiệm công việc thường xuyên trong tổ chức công đoàn, được đại hội, hội nghị công đoàn các cấp bầu ra hoặc được cấp quan, đơn vị có thẩm quyền của công đoàn chấp thuận, bổ nhiệm vào chức danh cán bộ công đoàn và giao nhiệm vụ thường xuyên.

b. Cán bộ công đoàn không chuyên trách là những người làm việc kiêm nhiệm, do đoàn viên tín nhiệm bầu vào các chức danh tổ công đoàn trở lên và được cấp có thẩm quyền của công đoàn công nhận hoặc chấp thuận.

3. Đoàn Công đoàn Lao động Việt Nam, căn cứ quy định hành động quy định biên chế cán bộ công đoàn chuyên trách.

Đi u 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ công đoàn.

Ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn của người đoàn viên, cán bộ công đoàn có những nhiệm vụ và quyền sau:

1. Đấu tranh chống những biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và ngăn ngừa công đoàn các cấp.

2. Là người đi đầu theo pháp luật hoặc theo quy định, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Liên hệ chặt chẽ với đoàn viên và người lao động; tôn trọng ý kiến của đoàn viên và người lao động.

4. Báo cáo, phản ánh và thực hiện thông tin hai chiều giữa các cấp công đoàn, giữa người lao động với người sử dụng lao động hoặc đi đầu của người sử dụng lao động.

5. Tổ chức đời sống của CNVCLĐ với người sử dụng lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc giữa công đoàn với đời sống của người sử dụng lao động.

6. Tổ chức và lãnh đạo đình công (đối với cán bộ công đoàn cấp sơ doanh nghiệp) theo đúng quy định của pháp luật.

7. Đoàn công đoàn chấp hành các chủ trương, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và Đoàn Chủ tịch Trung ương Liên đoàn Lao động Việt Nam.

8. Đoàn công đoàn bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do tập thể công đoàn phân công.

9. Cán bộ công đoàn không chuyên trách khi có đủ điều kiện theo quy định và có nguyện vọng được xem xét ưu tiên tuyển dụng làm cán bộ công đoàn chuyên trách.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ HẠ THẠNH TẬP THỂ CÔNG ĐOÀN

Điều 7. Công đoàn tập thể và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, với nội dung cơ bản như sau:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp công đoàn do bầu cử lập ra. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên được quyền chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành và các chức danh trong cơ quan thống nhất trực thuộc ban chấp hành công đoàn cấp dưới.

2. Quy định quy tắc định cao nhất của mọi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là ban chấp hành.

3. Ban chấp hành công đoàn các cấp hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thi đua sôi nổi từng đợt, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tập thể.

4. Nghị quyết của công đoàn các cấp, được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

5. Khi thành lập mới hoặc tách, nhập từ các công đoàn hoặc ngừng hoạt động, doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp phải thành lập ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành công đoàn lâm thời. Thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn lâm thời không quá 12 tháng.

Điều 8. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là tổ chức thống nhất có các cấp cơ bản sau đây:

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là liên đoàn lao động tỉnh, thành phố), công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

3. Công đoàn cấp trên cơ sở.

4. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn.

Điều 9. Đối với công đoàn các cấp:

1. Nhiệm vụ của đối với công đoàn các cấp:

a. Theo luận, thông qua các báo cáo của ban chấp hành; quyết định phương hướng hoạt động nhiệm vụ của công đoàn nhiệm kỳ tiếp theo.

b. Tham gia xây dựng văn kiện của đại hội công đoàn cấp trên.

c. Ban chấp hành công đoàn mới và ban đại diện đi đại hội công đoàn cấp trên.

d. Thông qua Đội u Lao Công đoàn Việt Nam (đại với Đại hội Công đoàn toàn quốc).

2. Nhiệm vụ đại hội công đoàn các cấp:

a. Đại hội công đoàn cấp xã, nghiệp đoàn 5 năm 2 lần. Đại với công đoàn cấp xã có số lượng đoàn viên đông, nghiệp công đoàn cấp xã thành viên, hoạt động phân tán có thể 5 năm đại hội 1 lần.

b. Đại hội công đoàn cấp trên cấp xã : 5 năm 1 lần.

c. Trường hợp đặc biệt, nếu đặc công đoàn cấp trên đồng ý, đại hội công đoàn các cấp có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá 12 tháng đại với công đoàn cấp trên cấp xã và 6 tháng đại với công đoàn cấp xã. Riêng đại với Đại hội Công đoàn toàn quốc do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

3. Số lượng đại diện đại hội cấp nào do ban chấp hành cấp đó quyết định và triệu tập theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thành phần đại diện chính thức gồm:

a. Các ủy viên đặc nghiệp của ban chấp hành cấp triệu tập.

b. Các đại diện do đại hội hoặc hội nghị đại diện, hội nghị toàn thể công đoàn cấp đại diện báo lên.

c. Các đ i bi u do ban ch p hành c p tri u t p ch đ nh v i s l ng không quá 3% (ba ph n trăm) t ng s đ i bi u chính th c đ c tri u t p.

4. Đ i bi u đ đ i h i ph i đ c đ i h i bi u quy t công nh n t cách đ i bi u. Tr ng h p đ i bi u b k lu t t hình th c khi n trách (theo quy đ nh c a B lu t Lao đ ng) ho c c nh cáo (đ i v i các tr ng h p khác) tr lên, thì ban ch p hành c p tri u t p xem xét, quy t đ nh t cách đ i bi u và sau đó báo cáo cho đ i h i bi t. Ng i b khi t , truy t , t m giam thì không đ t cách đ i bi u.

Điề u 10. H i ngh đ i bi u, h i ngh toàn th :

1. Nh ng n i xét th y c n thi t và đ c ban ch p hành công đoàn c p trên tr c ti p đ ng ý thì ban ch p hành c p đó đ c tri u t p h i ngh đ i bi u ho c h i ngh toàn th .

2. S l ng đ i bi u do ban ch p hành c p tri u t p h i ngh quy t đ nh. Đ i bi u đ h i ngh ph i đ c h i ngh bi u quy t công nh n t cách đ i bi u. Thành ph n đ i bi u g m:

a. Các y viên đ ng nhi m c a ban ch p hành c p tri u t p h i ngh .

b. Các đ i bi u do đ i h i (n u trùng vào đ p đ i h i) ho c do h i ngh đ i bi u, h i ngh toàn th công đoàn c p đ i b u lên. Tr ng h p không th t ch c đ c h i ngh đ i bi u, h i ngh toàn th và đ c công đoàn c p trên tr c ti p đ ng ý thì h i ngh ban ch p hành công đoàn c p đó b u.

c. Đ i bi u ch đ nh v i s l ng không quá 3% (ba ph n trăm) t ng s đ i bi u chính th c đ c tri u t p.

3. N i dung c a h i ngh đ i bi u, h i ngh toàn th :

a. Kiểm định mức thực hiện nghị quyết đối hội; bổ sung phương hướng nhiệm vụ và chương trình hoạt động của công đoàn.

b. Tham gia xây dựng văn kiện đối hội công đoàn cấp trên.

c. Bổ sung kiện toàn ban chấp hành và bầu đại biểu đi đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên (nếu có).

Điều 11. Đại hội, hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể, hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên được triệu tập đến để mới có giá trị. Việc bầu cử quan lãnh đạo các cấp công đoàn và bầu đại biểu đi đại hội công đoàn cấp trên được phải tiến hành bỏ phiếu kín; người trúng cử phải được quá 1/2 (một phần hai) số phiếu bầu.

Điều 12. Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội của công đoàn mới cấp.

1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào, do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. Khi có quá 1/2 (một phần hai) số thành viên đại hội yêu cầu và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp thì đại hội công đoàn cấp, nghị quyết đoàn có thể bầu trực tiếp chấp hành công đoàn cấp, chấp hành nghị quyết đoàn trong sự ủy viên ban chấp hành mới do đại hội bầu ra.

2. Số lượng ủy viên ban chấp hành cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt quá số lượng quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a. Khi khuyến nghị ủy viên ban chấp hành cấp nào, thì hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể hoặc ban chấp hành cấp đó bầu bổ sung. Số lượng ủy viên ban chấp hành khuyến nghị bầu bổ sung trong nhiệm kỳ đại hội không vượt quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định.

b. Trường hợp hợp đồng bị t c n b sung mà s y viên ban chấp hành v t quá s l ng đ i h i đã thông qua, thì ph i đ c s đ ng ý c a công đoàn c p trên tr c ti p và không v t quá s l ng quy đ nh c a Đoàn Ch t ch T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam. Vi c b u b sung s y viên Ban Chấp hành T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam v t quá s l ng Đ i h i Công đoàn toàn qu c đã thông qua do Ban Chấp hành T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam xem xét, quy t đ nh nh ng không quá 3% (ba ph n trăm) s l ng y viên Ban Chấp hành T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam đã đ c Đ i h i Công đoàn toàn qu c quy t đ nh.

c. Ủy viên ban chấp hành khi chuy n công tác ra kh i ngành ho c đ a ph ng, đ n v thì thôi tham gia ban chấp hành công đoàn n ngành, đ a ph ng, đ n v đó. Ủy viên ban chấp hành công đoàn các c p khi ngh h u, thôi vi c thì thôi tham gia ban chấp hành k t th i đi m ngh h u ho c thôi vi c ghi trong quy t đ nh.

d. Trường hợp y viên ban chấp hành là cán b chuyên trách công đoàn, khi chuy n công tác không là chuyên trách công đoàn n a thì do ban chấp hành công đoàn c p đó xem xét vi c ti p t c tham gia hay không tham gia ban chấp hành và đ ngh công đoàn c p trên quy t đ nh.

3. Nhiệm vụ c a ban chấp hành công đoàn các c p:

a. T ch c th c hi n ngh quy t đ i h i công đoàn c p mình.

b. Th c hi n ch th , ngh quy t c a Đ ng, công đoàn c p trên.

c. Ch đ o, ki m tra ho t đ ng đ i v i công đoàn c p d i.

d. Đ nh k báo cáo tình hình t ch c ho t đ ng công đoàn c p mình v i c p y đ ng đ ng c p, công đoàn c p trên và thông báo cho công đoàn c p d i.

đ. Qu n lý tài chính, tài s n và ho t đ ng kinh t công đoàn theo quy đ nh c a Nhà n c và T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam.

4. Hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn các cấp:

a. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, ban chấp hành công đoàn ngành trung ương và ban chấp hành công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn 1 năm họp 2 lần.

b. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp công đoàn cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghịp đoàn, công đoàn cơ sở thành viên 3 tháng họp ít nhất 1 lần. Đối với ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có công đoàn cơ sở hoạt động trên nhiều tỉnh, thành phố 6 tháng họp ít nhất 1 lần.

Điề u 13. Cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn các cấp.

1. Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là Đoàn Chủ tịch; cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn các cấp là ban thường vụ. Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) công đoàn cấp nào do ban chấp hành cấp đó bầu. Số lượng ủy viên Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) nhiều nhất không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp đó, gồm có chủ tịch, các phó chủ tịch và một số ủy viên.

Đoàn Chủ tịch (ban thường vụ) được phân công một số đồng chí làm thường trực.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề xuất ra các nghị quyết hoặc quyết định để tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; trực tiếp chỉ đạo hoặc đồng ý của Cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đi đầu cho công nhân, viên chức, lao động đấu tranh với Đảng, Nhà nước nhằm liên quan đến CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn.

3. Ban chấp hành công đoàn các cấp chuân bị nội dung các kế hoạch ban chấp hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp ban chấp hành, báo cáo hoạt động của mình tại hội nghị thường kỳ của ban chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các quan và đơn vị trực thuộc; đi tìm kiếm cho đoàn viên và người lao động tiếp hợp các kiến nghị để tham gia với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, bộ, ngành, hội đồng quản trị doanh nghiệp cùng cấp; chỉ đạo đi tìm kiếm tham gia vào các các quan, tổ chức có liên quan.

4. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch (ban chấp hành công đoàn) và là đi tìm kiếm theo quy định pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

a. Khi khuyến khích Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn bầu bổ sung trong số các ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

b. Khi khuyến khích chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp đó để nghị công đoàn cấp trên trực tiếp cho bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành.

Điều 14. Ban chấp hành công đoàn cấp nào là đi tìm kiếm của đoàn viên, CNVCLĐ cấp đó.

Ban chấp hành công đoàn các cấp có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ công đoàn hoạt động; giúp đỡ, can thiệp và bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; ban chấp hành công đoàn cấp trên hỗ trợ, giúp đỡ ban chấp hành công đoàn cấp sở thực hiện quyền tổ chức và lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban chấp hành công đoàn các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, khả năng tài chính và các quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, báo cáo với cấp ủy đảng đứng đầu cấp (nếu có) trình khi quyết định tổ chức bộ máy làm việc; thông báo cho các các quan chuyên môn, chủ doanh nghiệp hoặc chính quyền cùng cấp thực hiện trách nhiệm liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA CÔNG ĐOÀN

Điều 16.

1. Tổ chức cơ sở của Công đoàn gồm:

a. Công đoàn cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các đơn vị sản nghiệp công lập và ngoài công lập; các cơ quan nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp, có 5 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quy định thành lập.

b. Nghiệp đoàn là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành, nghề, được thành lập theo địa bàn hoặc theo đơn vị lao động có 10 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quy định thành lập.

2. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn được tổ chức theo 4 loại hình:

a. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

b. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

c. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận.

d. Công đoàn cấp xã có công đoàn cấp xã thành viên.

3. Công đoàn cấp xã, nghiệp đoàn không đủ điều kiện và hoạt động, công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể.

Đội u 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cấp xã trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sở nghiệp công lập, cơ quan cấp tỉnh chính trị, chính trị – xã hội và xã hội nghề nghiệp:

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chủ trương, chính sách, pháp luật, báo động việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát hiện và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các tranh chấp lao động và thực hiện các quy định của công đoàn cấp xã theo quy định của pháp luật.
3. Phối hợp với tổ chức công đoàn cơ sở để đưa cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị; cấp đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quy định của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Hỗ trợ đơn, giúp đỡ người lao động giao kết hợp đồng lao động. Cùng với tổ chức công đoàn cơ sở để đưa cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tiến hành điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động xã hội, tổ chức trong CNVCLĐ.
4. Tổ chức vận động CNVCLĐ trong cơ quan, đơn vị thi đua yêu nước, thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, cấp tỉnh làm việc và thực hiện hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.
5. Phát triển quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cấp xã vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điề u 18. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn c s trong doanh nghiệ p nhà n c:

1. Ph i h p v i giám đ c t ch c th c hi n quy ch dân ch o doanh nghiệ p, t ch c đ i h i công nhân, viên ch c; đ i di n cho t p th lao đ ng xây đ ng, th ng l ng, ký k t và giám sát vi c th c hi n tho o c lao đ ng t p th ; tham gia xây đ ng đi u l ho t đ ng, các n i quy, quy ch , ph ng án s n xu t kinh doanh c a doanh nghiệ p; xây đ ng, ký k t quy ch ph i h p ho t đ ng v i giám đ c doanh nghiệ p.

2. T p h p yêu c u, nguy n v ng chính đ áng, h p pháp c a CNVCLĐ; t ch c, xây đ ng, th c hi n thông tin hai chi u, t ch c đ i tho i gi a ng i lao đ ng và giám đ c doanh nghiệ p; h ng đ n ng i lao đ ng giao k t h p đ ng lao đ ng; c đ i di n tham gia các h i đ ng xét và gi i quy t các quy n l i c a CNVCLĐ; tham gia v i giám đ c gi i quy t vi c làm, c i thi n đi u ki n làm vi c, nâng cao thu nh p, đ i s ng và phúc l i c a CNVCLĐ; v n đ ng CNVCLĐ tham gia các ho t đ ng xã h i, t ng tr giúp đ nhau trong ngh nghiệ p, khi khó khăn, ho n n và đ u tranh ch ng tham nh ùng, lãng phí, ngăn ch n các t n n xã h i.

3. Ki m tra, giám sát vi c thi hành pháp lu t có liên quan đ n quy n, nghĩa v c a công đoàn, CNVCLĐ; tham gia gi i quy t tranh ch p lao đ ng, th c hi n các quy n c a công đoàn c s , t ch c và lãnh đ o đình công theo đúng quy đ nh c a pháp lu t; phát đ ng, ph i h p t ch c các phong trào thi đua trong doanh nghiệ p.

4. Tuyên truy n, ph bi n đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c, nhi m v c a t ch c Công đoàn và nghĩa v c a ng i lao đ ng; v n đ ng ng i lao đ ng ch p hành chính sách, pháp lu t c a Nhà n c, n i quy, quy ch c a doanh nghiệ p, th c hi n có hi u qu công vi c do giám đ c doanh nghiệ p phân công.

5. Phát tri n, qu n lý đoàn viên, xây đ ng công đoàn c s v ng m nh và tham gia xây đ ng Đ ng.

Điề u 19. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn c s trong các h p tác xã công nghiệ p, ti u th công nghiệ p, d ch v , giao thông v n i...:

1. Giám sát ban qu n tr th c hi n ch đ , chính sách, phân ph i thu nh p, l i nhu n đ i v i xã viên; đ i đ i n ng i lao đ ng xây đ ng, th ng l ng, ký k t và giám sát vi c th c hi n tho c lao đ ng t p th ; h ng đ n ng i lao đ ng (không ph i là xã viên) giao k t h p đ ng lao đ ng.

2. Tham gia v i ban qu n tr đ có bi n pháp c i thi n đ i u ki n làm vi c nâng cao thu nh p, đ i s ng và phúc l i c a xã viên và ng i lao đ ng; tham gia gi i quy t tranh ch p lao đ ng; th c hi n các quy n c a công đoàn c s v t ch c và lãnh đ o đình công; v n đ ng xã viên và ng i lao đ ng tham gia các ho t đ ng xã h i, h tr giúp đ nhau trong ngh nghi p, khi khó khăn, ho n n n.

3. Tuyên truy n, ph bi n và v n đ ng xã viên, ng i lao đ ng th c hi n t t đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c, nhi m v c a t ch c Công đoàn, ngh quy t đ i h i xã viên và đ i u l h p tác xã.

4. Phát tri n, qu n lý đoàn viên; xây đ ng công đoàn c s v ng m nh và tham gia xây đ ng Đ ng.

Điề u 20. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn c s trong các doanh nghi p khu v c kinh t ngoài Nhà n c:

1. Đ i đ i n cho t p th lao đ ng xây đ ng, th ng l ng, ký k t và giám sát vi c th c hi n tho c lao đ ng t p th ; ph i h p v i ng i s đ ng lao đ ng ho c đ i đ i n ng i s đ ng lao đ ng th c hi n quy ch dân ch , m h i ngh ng i lao đ ng, xây đ ng và ký k t quy ch ph i h p ho t đ ng; h ng đ n ng i lao đ ng giao k t h p đ ng lao đ ng.

2. Ki m tra, giám sát vi c th c hi n pháp lu t có liên quan đ n quy n, nghĩa v ng i lao đ ng và công đoàn; tham gia các h i đ ng c a doanh nghi p theo quy đ nh c a pháp lu t và đ i u l doanh nghi p; xây đ ng các n i quy, quy ch có liên quan đ n quy n, l i ích c a ng i lao đ ng.

3. Đãi đãi n cho t p th lao đ ng tham gia h i đ ng hoà gi i lao đ ng c s , gi i quy t các tranh chấp lao đ ng, th c hi n các quy n c a công đoàn c s , t ch c và lãnh đ o đình công theo quy đ nh c a pháp lu t.

4. T p h p yêu c u, nguy n v ng h p pháp, chính đáng c a ng i lao đ ng; báo cáo, cung c p thông tin và t ch c đ i tho i gi a ng i lao đ ng và ng i s đ ng lao đ ng; ph i h p v i ng i s đ ng lao đ ng t ch c các phong trào thi đua, phát tri n s n xu t kinh doanh chăm lo đ i s ng v t ch t, tinh th n đ i v i ng i lao đ ng; v n đ ng ng i lao đ ng tham gia các ho t đ ng xã h i, h tr giúp đ nhau trong ngh nghi p, trong cu c s ng, đ u tranh ngăn ch n các t n n xã h i.

5. Tuyên truy n, ph bi n, v n đ ng ng i lao đ ng th c hi n đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c, nhi m v c a t ch c Công đoàn và n i quy, quy ch c a doanh nghi p.

6. Phát tri n, qu n lý đoàn viên; xây đ ng công đoàn c s v ng m nh và tham gia xây đ ng Đ ng.

Điều 21. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn c s trong đ n v s nghi p ngoài công l p:

1. Tham gia xây đ ng và giám sát th c hi n n i quy, quy ch , đ i u l c a đ n v , các ch đ , chính sách, pháp lu t có liên quan đ n quy n, l i ích c a ng i lao đ ng; ph i h p v i ng i đ ng đ u đ n v t ch c th c hi n quy ch dân ch , h i ngh ng i lao đ ng; h ng d n ng i lao đ ng giao k t h p đ ng lao đ ng, thay m t ng i lao đ ng xây đ ng, th ng l ng và ký k t tho c lao đ ng t p th theo quy đ nh c a pháp lu t.

2. Xây đ ng và ký k t quy ch ph i h p ho t đ ng v i ng i đ ng đ u đ n v ; c đ i đãi n tham gia các h i đ ng c a đ n v có liên quan đ n quy n, l i ích c a ng i lao đ ng; cùng v i ng i đ ng đ u đ n v xây đ ng và giám sát th c hi n k ho ch đào t o, b i d ng nâng cao trình đ chuyên môn, nghi p v , chăm lo đ i s ng v t ch t, tinh th n, c i thi n đ i u ki n làm vi c cho ng i lao đ ng; ph i h p t ch c các phong trào thi đua; v n đ ng ng i lao đ ng tham gia các ho t đ ng xã h i, ch ng các t n n xã h i, h tr nhau trong công tác, khi khó khăn, ho n n n.

3. Tng h p yêu c u, nguy n v ng h p pháp, chính đáng c a ng i lao đ ng; th c hi n thông tin hai chi u và t ch c đ i tho i gi a ng i lao đ ng v i ng i đ ng đ u đ n v nh m gi i quy t nh ng v n đ liên quan đ n quy n và nghĩa v c a ng i lao đ ng.

4. Tuyên truy n, ph bi n và v n đ ng ng i lao đ ng th c hi n t t đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c có liên quan tr c ti p đ n ng i lao đ ng, n i quy, quy ch , đi u l c a đ n v và nghĩa v c a ng i lao đ ng.

5. Phát tri n, qu n lý đoàn viên; xây đ ng công đoàn c s v ng m nh và tham gia xây đ ng Đ ng.

Điề u 22. Quy n h n, nhi m v c a nghi p đoàn:

1. Tuyên truy n đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c và các nhi m v c a t ch c Công đoàn. Giáo d c nâng cao trình đ chính tr , văn hoá. Ph bi n, h ng đ n vi c thi hành các ch đ , chính sách, pháp lu t có liên quan đ n đ i s ng và đi u ki n hành ngh c a ng i lao đ ng.

2. Đ i di n cho đoàn viên nghi p đoàn quan h v i chính quy n đ a ph ng và c quan ch c năng chăm lo b o v quy n và l i ích h p pháp, chính đáng c a đoàn viên.

3. Đoàn k t t ng tr , giúp đ nhau trong ngh nghi p và đ i s ng. Đ u tranh ngăn ch n các t n n xã h i.

4. Phát tri n, qu n lý đoàn viên; xây đ ng nghi p đoàn v ng m nh và tham gia xây đ ng Đ ng.

Điề u 23. Công đoàn c s th c hi n phân c p v nhi m v , quy n h n cho công đoàn c s thành viên (n u có); công đoàn c s , nghi p đoàn quy đ nh nhi m v , quy n h n c th cho công đoàn b ph n, nghi p đoàn b ph n, t công đoàn, t nghi p đoàn theo h ng đ n c a Đoàn Ch t ch T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam.

Ch ị ng IV

T CH C CÔNG ĐOÀN C P TRÊN C S

Điề u 24. Công đoàn giáo d c huy n, qu n, th xă, thành ph thu c t nh.

1. Công đoàn giáo d c huy n, qu n, th xă, thành ph thu c t nh (g i chung là công đoàn giáo d c huy n) là công đoàn c p trên tr c ti p công đoàn c s , t p h p cán b , viên ch c và lao đ ng c quan phòng giáo d c, các tr ng h c (công l p và ngoài công l p), đ n v thu c phòng giáo d c c p huy n qu n lý.

2. Công đoàn giáo d c huy n do liên đoàn lao đ ng huy n, qu n, th xă, thành ph thu c t nh (g i chung là liên đoàn lao đ ng huy n) quy t đ nh thành l p ho c gi i th sau khi th ng nh t v i công đoàn giáo d c t nh, thành ph và đ c s đ ng ý c a liên đoàn lao đ ng t nh, thành ph .

3. Công đoàn giáo d c huy n ch u s ch đ o tr c ti p c a liên đoàn lao đ ng huy n và s ph i h p ch đ o v ngành ngh c a công đoàn ngành giáo d c t nh, thành ph .

4. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn giáo d c huy n:

a. T ch c tri n khai các ch tr ng công tác c a liên đoàn lao đ ng huy n, ngh quy t đ i h i công đoàn giáo d c t nh, thành ph và ngh quy t đ i h i công đoàn c p mình.

b. Tham gia v i c quan qu n lý cùng c p v đ nh h ng phát tri n ngành; xây d ng các m c tiêu, k ho ch giáo d c - đào t o và các v n đ liên quan đ n trách nhi m, l i ích c a cán b , viên ch c, lao đ ng; xây d ng đ i ngũ cán b , giáo viên, viên ch c trong ngành.

c. Chức năng công đoàn cấp dưới tham gia thực hiện các chức năng, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, viên chức, lao động; tổ chức các phong trào thi đua, thực hiện các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn; tuyên truyền, giáo dục đồng nghiệp, chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống ngành giáo dục.

d. Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp trên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng, chính sách và đối diện báo cáo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, lao động trong ngành (bao gồm cả ngoài công lập).

đ. Quy định thành lập hoặc giải thể các công đoàn cấp sơ cấp hoặc trung cấp, đơn vị trực thuộc phòng giáo dục cấp huyện quản lý; phát triển đoàn viên, xây dựng Công đoàn cấp sơ cấp vững mạnh và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 25. Công đoàn ngành địa phương.

1. Công đoàn ngành địa phương là công đoàn cấp trên cấp sơ cấp hoặc CNVCLĐ cùng ngành, ngành thuộc các thành phố kinh tế trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Công đoàn ngành địa phương do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quy định thành lập hoặc giải thể sau khi thông qua nghị quyết của công đoàn ngành trung cấp.

3. Công đoàn ngành địa phương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố và sự chỉ đạo của ngành nghề của công đoàn ngành trung cấp.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn ngành địa phương:

a. Tổ chức triển khai các chức năng công tác của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, của công đoàn ngành trung cấp và ngành quy định đối với công đoàn cấp mình.

b. Tham gia với công đoàn quản lý cùng cấp với phát triển kinh tế - xã hội của ngành địa phương, các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và lợi ích ngành, nghề, xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức và lao động trong ngành.

c. Hỗ trợ dân, thông tin về pháp luật và các chế độ, chính sách, khoa học kỹ thuật ngành, nghề, chế độ của công đoàn cấp dưới thực hiện các chế độ, chính sách lao động ngành, nghề. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, giáo dục đội ngũ lái, chế tạo công cụ lao động, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống, nghĩa vụ, quyền lợi của CNVCLĐ trong ngành.

d. Phối hợp với liên đoàn lao động huyện hỗ trợ dân, chế độ, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách ngành, nghề, báo vụ quy định và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ trong ngành; hỗ trợ công đoàn cấp sơ trường lớp và ký kết thỏa ước lao động tập thể, tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật; đại diện cho công đoàn cấp sơ hoặc người lao động khi kiện hoặc tham gia vào quá trình tố tụng khi được công đoàn cấp sơ hoặc người lao động ủy quyền.

đ. Phát triển đoàn viên và công đoàn cấp sơ trong các thành phần kinh tế, thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, xây dựng công đoàn cấp sơ, nghiệp đoàn vững mạnh.

Điều 26. Liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là liên đoàn lao động huyện).

1. Liên đoàn lao động huyện là công đoàn cấp trên cấp sơ, tập hợp CNVCLĐ trên địa bàn huyện.

2. Liên đoàn lao động huyện do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập hoặc giải thể và chế độ tổ chức tài chính.

3. Liên đoàn lao động huy n quy t đ nh thành l p ho c gi i th và ch đ o tr c ti p công đoàn c p trên c s là công đoàn giáo d c huy n và các công đoàn c s , nghi p đoàn đóng trên đ a bàn (tr nh ng công đoàn c s đã tr c thu c liên đoàn lao động t nh, thành ph , công đoàn ngành đ a ph ng và công đoàn t ng công ty).

4. Nhi m v , quy n h n c a liên đoàn lao động huy n:

a. Ph i h p v i các c quan ch c năng c a nhà n c c p huy n, công đoàn ngành đ a ph ng, công đoàn t ng công ty đ ki m tra, giám sát vi c th c hi n các ch đ , chính sách; gi i quy t khi u n i, t cáo, tranh ch p lao động đ i v i các c s đóng trên đ a bàn; h ng d n, h tr , giúp ban ch p hành công đoàn c s trong vi c th ng l ng, ký k t tho c lao động t p th , gi i quy t tranh ch p lao động, t ch c đ i tho i v i ng i s đ ng lao động, t ch c, lãnh đ o đình công theo đúng quy đ nh c a pháp lu t. Đ i di n cho công đoàn c s ho c ng i lao động kh i ki n ho c tham gia vào quá trình t t ng khi đ c công đoàn c s ho c ng i lao động y quy n.

b. Tuyên truy n đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c và nhi m v c a t ch c Công đoàn.

c. Tri n khai th c hi n các ch th , ngh quy t và ch tr ng công tác c a liên đoàn lao động t nh, thành ph ; ch th , ngh quy t c a c p y đ ng và ngh quy t đ i h i công đoàn c p mình; tham gia v i c p y đ ng, c quan nhà n c v các ch tr ng phát tri n kinh t - xã h i và các v n đ có liên quan đ n vi c làm, đ i s ng c a CNVCLĐ.

d. T ch c phong trào thi đua yêu n c, góp ph n đ y m nh phát tri n kinh t - xã h i, th c hi n công nghi p hoá, hi n đ i hoá nông nghi p, nông thôn.

đ. V n đ ng đoàn viên, CNVCLĐ tham gia các ho t đ ng xã h i, h ng d n các hình th c, bi n pháp chăm lo đ i s ng, c i thi n đ i u ki n làm vi c, xoá đói gi m nghèo, xây đ ng n p s ng văn hoá, đ u tranh ngăn ch n tiêu c c, tham nhũng và các t n n xã h i.

e. Th c hi n công tác phát tri n đoàn viên, thành l p công đoàn c s , nghi p đoàn; công tác t

chức, cán bộ theo phân công của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; xây dựng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn và ngành nghề.

Điều 27. Công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp).

1. Công đoàn các khu công nghiệp là công đoàn cấp trên cơ sở do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quy định thành lập hoặc giao tiếp và chủ trì tổ chức tiếp.

2. Công đoàn các khu công nghiệp quy định thành lập hoặc giao tiếp và chủ trì công đoàn cơ sở thu hút các đơn vị do địa phương thành lập hoặc đang trong các khu công nghiệp; phối hợp chủ trì công đoàn cơ sở thu hút công đoàn ngành trung ương, công đoàn từng công ty của trung ương hoặc đang trong các khu công nghiệp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn các khu công nghiệp:

a. Hỗ trợ đồng nghiệp, chủ trì các công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều lệ; hỗ trợ đồng nghiệp, hỗ trợ, giúp ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thực hiện công tác ký kết thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đời sống và nâng cao đời sống lao động, tổ chức, lãnh đạo đình công theo đúng quy định của pháp luật. Đón tiếp cho công đoàn cơ sở hoặc người lao động khi cần thiết hoặc tham gia vào quá trình tiếp xúc khi công đoàn cơ sở hoặc người lao động yêu cầu.

b. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, pháp luật cho CNVCLĐ trong các khu công nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết của đảng; chủ trương, nghị quyết và chủ trương công tác của công đoàn cấp trên, nghị quyết hội công đoàn cấp mình.

c. Phối hợp với ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý lao động địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật lao động; giải quyết đơn thư khiếu nại của CNVCLĐ trong các khu công nghiệp.

d. Phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; thực hiện công tác quản lý cán bộ công đoàn theo phân cấp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

đ. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn công ty của trung ương trong khu công nghiệp thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 32, Điều I này.

Điều 28. Công đoàn công ty.

1. Công đoàn công ty là công đoàn cấp trên cơ sở tiếp hợp CNVCLĐ trong các cơ sở của công ty.

2. Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định thành lập thì công đoàn công ty đó do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

3. Công ty do bộ, ngành trung ương quy định thành lập thì công đoàn công ty đó do công đoàn ngành trung ương thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

4. Công ty do Thủ tướng Chính phủ quy định thành lập thì việc thành lập và chỉ đạo công đoàn công ty đó do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn công ty:

a. Tuyên truyền động viên, chỉ đạo thực hiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo thực hiện công tác của công đoàn cấp trên và nhiệm vụ đối với công đoàn công ty.

b. Tham gia v i h i đ ng qu n tr , t ng giám đ c t ng công ty v quy ho ch, k ho ch và m c tiêu phát tri n kinh t c a t ng công ty, tham gia xây d ng và ki m tra giám sát v i c th c hi n n i quy, quy ch , ch đ ti n l ı ng, ti n th ı ng và các quy đ nh có liên quan đ n quy n và l i ích h p pháp, chính đ ng c a đoàn viên, CNVCLĐ trong t ng công ty.

c. Ph i h p v i h i đ ng qu n tr , t ng giám đ c th c hi n quy ch dân ch ı c s , t ch c đ i h i công nhân, viên ch c; đ i di n cho đoàn viên, CNVCLĐ ký tho ı c lao đ ng t p th v i t ng giám đ c t ng công ty phù h p v i các quy đ nh c a pháp lu t, tham gia các h i đ ng c a t ng công ty đ gi i quy t các v n đ có liên quan đ n CNVCLĐ.

d. Ch đ o các Công đoàn c s thu c công đoàn t ng công ty th c hi n các hình th c tham gia qu n lý, th c hi n pháp lu t lao đ ng và Lu t Công đoàn, t ch c phong trào thi đua yêu n c; giáo d c theo đ c đi m ngành ngh , h ı ng d n công tác b o h lao đ ng, b o hi m xã h i, b o hi m y t và các ch đ , chính sách ngành, ngh khác.

đ. Quy t đ nh thành l p ho c gi i th các công đoàn c s thu c công đoàn t ng công ty. Th c hi n công tác cán b theo s phân c p c a công đoàn c p trên, ch đ o xây d ng công đoàn c s v ng m nh.

e. T p nh n ý ki n tham gia và ch đ o c a các liên đoàn lao đ ng đ a ph ı ng, công đoàn các khu công nghi p đ i v i công đoàn c s , công đoàn c s thành viên c a t ng công ty đóng t i đ a ph ı ng, ho c khu công nghi p th c hi n các n i dung nhi m v quy đ nh t i đi m e, kho n 3, Điề u 32 Điề u l này.

Điề u 29. Công đoàn c quan b , c quan ngang b , c quan tr c thu c Chính ph , Qu c h i, ban c a Đ ng, đoàn th Trung ı ng (g i chung là công đoàn c quan Trung ı ng) t p h p cán b , công ch c, viên ch c và lao đ ng (CBCCVCLĐ) trong các đ n v thu c c quan trung ı ng; đ ı c thành l p công đoàn c s ho c công đoàn c p trên tr c ti p c s (khi có đ đi u ki n).

1. Công đoàn c quan trung ı ng do công đoàn ngành trung ı ng quy t đ nh thành l p ho c gi i th và ch đ o tr c ti p.

2. Công đoàn cấp quan trung ương cấp trên trực tiếp cấp sơ quy định thành lập, giải thể và trực tiếp chỉ đạo các công đoàn cấp sơ đơn vị trực thuộc cấp quan thuộc hiện nhiệm vụ, quy định theo Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cấp trên cấp sơ cấp quan trung ương:

a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết và chủ trương công tác của công đoàn ngành Trung ương; chủ trương, nghị quyết của cấp ủy đảng và nghị quyết của hội công đoàn cấp mình; tham gia với cấp ủy đảng, lãnh đạo chuyên môn và công tác quản lý, lãnh đạo cấp quan và các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CBCCVCLĐ.

c. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp quan; vận động đoàn viên, CBCCVCLĐ tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh và tham gia các hoạt động xã hội; hướng dẫn các hình thức, biện pháp chăm lo đời sống, cải thiện đời sống kinh tế, xây dựng nếp sống văn hóa, tham gia cải cách hành chính, đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

d. Phối hợp với tổ chức quan thuộc hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ công chức cấp quan; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo của với các cấp sơ trực thuộc cấp quan.

đ. Thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cấp sơ, xây dựng công đoàn cấp sơ vững mạnh, thực hiện công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp của công đoàn ngành trung ương và tham gia xây dựng Đảng.

Điều 30. Công đoàn ngành trung ương.

1. Công đoàn ngành trung ương do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy t định thành l p h c gi i th phù h p v i đ c đi m c a ngành và các quy đ nh c a Lu t Công đoàn.

Tr ng h p trong m t b có công đoàn ngành trung ương, công đoàn t ng công ty tr c thu c Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ch c năng nhi m v đ c th c hi n theo quy đ nh Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đ i t ng t p h p c a công đoàn ngành trung ương là đoàn viên, CNVCLĐ cùng ngành thu c các thành ph n kinh t .

Công đoàn ngành trung ương tr c ti p ch đ o các công đoàn c quan b , công đoàn các ban c a Đ ng, đoàn th Trung ương, công đoàn t ng công ty và c p t ng đ ng thu c b , ngành.

3. Nhi m v , quy n h n c a công đoàn ngành trung ương:

a. Đ i di n, b o v các quy n và l i ích h p pháp, chính đ ng c a đoàn viên, CNVCLĐ thu c ngành.

b. Tuyên truy n đ ng l i, ch tr ng c a Đ ng, chính sách, pháp lu t c a Nhà n c và nhi m v c a t ch c Công đoàn.

c. Nghiên c u tham gia qu n lý nhà n c v kinh t - xã h i c a ngành và tham gia xây d ng các ch đ , chính sách ngành:

- Nghiên c u tham gia v i b , ngành, các ban c a Đ ng, đoàn th Trung ương và đ xu t v i Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam v chi n l c phát tri n kinh t - xã h i c a ngành, g n v i vi c xây d ng, đào t o, b i d ng đ i ng CNVCLĐ trong ngành.

- Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác cho người lao động cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế; tham gia cải cách hành chính, chấp hành những tiêu chuẩn, chấp hành lãng phí.

- Đề nghị cho đoàn viên và CNVCLĐ tham gia ký thoả ước lao động tập thể với hiệp hội ngành nghề hoặc các tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong ngành.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách thuộc ngành, nghề; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ; kiến nghị với cơ quan nhà nước bổ sung, sửa đổi và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, nghề và lợi ích người lao động.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý hàng hóa, tổ chức các hình thức thi đua yêu nước theo đơn vị ngành; tổ chức các hoạt động xã hội.

d. Nghiên cứu đề xuất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và hội đồng tổ chức, mô hình tổ chức, cải tiến hoá chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp trong hội đồng công đoàn ngành; hàng năm chọn đề tài hội các công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

đ. Hàng năm chọn đề tài công đoàn tình công ty, công đoàn cơ quan trung ương, công đoàn cơ sở trực thuộc:

- Nghiên cứu, cải tiến hoá triển khai các chế độ, nghề nghiệp quy định của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, nghề nghiệp quy định hội công đoàn ngành trung ương.

- Tổ chức các hình thức tham gia quản lý và bảo vệ lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đại hội công nhân, viên chức hoặc hội nghị người lao động; xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, giáo dục CNVCLĐ nâng cao trình độ nghề nghiệp, thông tin về pháp luật, chính sách, nghĩa vụ, quyền lợi của đoàn viên, CNVCLĐ trong ngành. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước theo định hướng ngành.

e. Chủ động phối hợp với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố chủ động huy động các công đoàn ngành địa phương tham gia các nội dung: Chủ động, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh cùng ngành; tham gia thành lập hoặc giám sát công đoàn ngành địa phương (nếu có).

f. Chủ động phối hợp với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chủ động để huy động các công đoàn cấp sở của ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

g. Tham gia quan hệ đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 31. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân là những tổ chức công đoàn ngành nằm trong hệ thống Công đoàn Việt Nam, tập hợp những công nhân, viên chức, lao động làm việc hàng ngày trong các đơn vị sản xuất, khoa học, kỹ thuật, hành chính sự nghiệp, dịch vụ trong lĩnh vực phòng và an ninh.

Tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban Lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 32. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố được tổ chức theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định thành

lập hoặc giải thích phù hợp với các quy định của Luật Công đoàn.

2. Đối tượng tiếp hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố gồm đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn.

Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố chủ đạo trực tiếp các liên đoàn lao động huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn tỉnh công ty (thuộc tỉnh, thành phố), công đoàn các khu công nghiệp và các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn trực thuộc (kể cả công đoàn cơ sở các đơn vị của trung ương không có công đoàn ngành trung ương hoặc công đoàn tỉnh công ty).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố :

a. Tuyên truyền động viên, chủ trì thực hiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b. Đại diện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn.

c. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và nghị quyết của hội công đoàn tỉnh, thành phố; các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tham gia với cấp ủy đảng, cơ quan Nhà nước tỉnh, thành phố với các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và đời tư của người làm việc của CNVCLĐ trên địa bàn. Tích cực phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội của CNVCLĐ trên địa bàn.

d. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, công đoàn ngành trung ương chủ trì thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các chính sách có liên quan trực tiếp đến CNVCLĐ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tham gia hội đồng trợ giúp tài trợ lao động địa phương, hội đồng đơn vị chủ đạo việc giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tại nơi lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng người lao động trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

đ. Chồ đầ o các công đoàn ngành đầ a phồ ng, liên đoàn lao đầ ng huyồ n, công đoàn các khu công nghiồ p, công đoàn tồ ng công ty (thuồ c tồ nh, thành phồ) và cồ p tồ ng đầ ng thồ c hiồ n các nhiồ m vồ theo quy đầ nh tồ i Điề u 25, 26, 27 và 28 Điề u lồ này.

e. Hồồ ng đầ n, chồ đầ o các công đoàn cồ sồ cầ a công đoàn tồ ng công ty thuồ c trungồ ng và các công đoàn cồ sồ trồ c thuồ c công đoàn ngành trungồ ng đắ ng trên đầ a bàn tồ nh, thành phồ nhồ ng nồ i dung sau đây:

- Triồ n khai thồ c hiồ n nghồ quyồ t cầ a đầ ng, các chồ trồ ng, kồ hoồ ch phát triồ n kinh tồ - xã hồ i, an ninh, quồ c phòng.

- Phồ i hồ p vồ i các cồ quan chồ c năng cầ a nhà nồồ cồ đầ a phồồ ng kiồ m tra, thanh tra lao đầ ng; đầ u tra các vồ tai nồ n lao đầ ng; giồ i quyồ t khiồ u nồ i, tồ cáo, tranh chồ p lao đầ ng; đầ i đầ n bồ o vồ ngồồ i lao đầ ng trồ c ngồồ i sồ đầ ng lao đầ ng, cồ quan nhà nồồ c và trong quá trình tham gia tồ tồ ng; kiồ m tra, giám sát viồ c thồ c hiồ n chồ đầ , chính sách đầ i vồ i ngồồ i lao đầ ng.

f. Tồ chồ c giáo dồ c nâng cao trình đầ văn hoá và nghồ nghiồ p cho CNVCLĐ, tồ chồ c các hoồ t đầ ng văn hoá, thồ đồ c thồ thao, quồ n lý nhà văn hoá công nhân, công đoàn; tồ chồ c các trung tâm giồ i thiồ u viồ c làm, cồ sồ tồ vồ n pháp luồ t theo quy đầ nh cầ a Nhà nồồ c và Tồ ng Liên đoàn Lao đầ ng Viồ t Nam.

g. Thồ c hiồ n quy hoồ ch, quồ n lý, đào tồ o, bồ i đầồ ng cán bồ và thồ c hiồ n chính sách đầ i vồ i cán bồ đầồ c phân cồ p quồ n lý.

h. Hồồ ng đầ n, chồ đầ o đầ i hồ i các công đoàn cồ p đầồ i; xây đầ ng công đoàn cồ sồ và nghiồ p đoàn vồ ng mồ nh.

i. Thồ c hiồ n quan hồ đầ i ngoồ i theo quy đầ nh cầ a Đoàn Chồ tồ ch Tồ ng Liên đoàn Lao đầ ng Viồ t Nam.

Điều 33. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Quy định nội dung chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghề nghiệp quy định đối với Công đoàn toàn quốc và các nghề nghiệp quy định của Tổng Công đoàn Việt Nam; chế độ và hưởng tiền hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đồng nghiệp, chế độ của Tổng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chế độ công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tăng kết thúc tiến bộ giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.
2. Tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức và lao động; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo vệ lao động; chế độ di sản tham gia các hoạt động của Ủy ban Quan hệ lao động, các Ủy ban, hội đồng quốc gia về các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ.
3. Xây dựng và chế độ thực hiện các chương trình, biện pháp phù hợp với Nhà nước để bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho CNVCLĐ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phù hợp với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội trong CNVCLĐ.
4. Quy định nội dung phương pháp bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đối với cán bộ công đoàn theo phân cấp quản lý.
5. Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế, tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; chế độ các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, nghề nghiệp của công đoàn các cấp.
6. Mở rộng quan hệ đối ngoại với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đồng nghiệp, chính sách đối ngoại của Tổng và Nhà nước.

7. Thông qua quyết toán, dự toán ngân sách hàng năm, quyết định các chế độ trợ cấp bảo hiểm pháp luật tài chính, tài sản công đoàn.

Điều 34. Công tác văn phòng công nhân CNVCLĐ được quản trị trong mối hoạt động của các cấp công đoàn, nhằm phát huy vai trò của công nhân CNVCLĐ và đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân CNVCLĐ theo quy định của pháp luật.

Ban chấp hành của các cấp công đoàn có trách nhiệm tham mưu với ban chấp hành công đoàn về công tác văn phòng công nhân CNVCLĐ, nhằm văn phòng văn phòng, cán bộ công nhân, dân sự – gia đình, số tiền bổ sung; điều kiện cho công nhân CNVCLĐ tham gia giải quyết các văn phòng có liên quan trực tiếp đến lao động công nhân và trẻ em.

Chương V

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CÔNG ĐOÀN

VÀ PHÂN BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

Điều 35. Công tác kiểm tra của công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mà cấp công nhân lãnh đạo với các thẩm quyền Điều lệ, nghị quyết, chế độ và các quy định của tổ chức công đoàn. Mối cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành công tác kiểm tra các cấp đó và chịu sự kiểm tra của công đoàn cấp trên.

Điều 36. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra của công đoàn được thành lập từ các cấp công đoàn, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

1. Ủy ban kiểm tra công đoàn mà cấp chấp hành chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cấp đó và sự chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

2. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quy định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số ủy viên ban chấp hành không được vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra.

3. Việc bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, ngẫu nhiên trúng cử phải được quá một phần hai (1/2) số phiếu bầu.

Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn mới cấp, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu.

Tổ chức cơ sở của công đoàn có dưới 30 đoàn viên thì chỉ 1 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm nhiệm vụ kiểm tra.

4. Khi mới thành lập hoặc tách, nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra lâm thời.

5. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

6. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp là cán bộ chuyên trách công đoàn khi chuyển công tác không là cán bộ chuyên trách công đoàn thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra. Ủy viên ủy ban kiểm tra khi chuyển công tác ra khỏi ngành hoặc địa phương, đơn vị thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn ngành, địa phương, đơn vị đó. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra kể từ thời điểm nghỉ hưu hoặc thôi việc ghi trong quy định.

Điều 37. Ủy ban kiểm tra công đoàn có nhiệm vụ:

1. Giúp ban chấp hành, ban thanh tra và thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

2. Kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ chức hoặc đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chức vụ và các quy định của công đoàn.

3. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

4. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ: giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, CNVCLĐ theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

Điều 38. Ủy ban kiểm tra công đoàn có quyền:

1. Ủy viên ủy ban kiểm tra được tham dự các hội nghị của ban chấp hành và được mời đến hội hoặc hội nghị để biểu dương công đoàn cùng cấp.

2. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của ủy ban kiểm tra trong các kế hoạch thường kỳ của ban chấp hành.

3. Yêu cầu đơn vị và người chịu trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra và trả lời những vấn đề do ủy ban kiểm tra nêu ra.

4. Báo cáo kết luận kiểm tra và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của ủy ban kiểm tra không được cơ quan thường trực giải quyết thì ủy ban kiểm tra có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng

c p và báo cáo lên y ban ki m tra công đoàn c p trên.

5. Uy viên ban ki m tra đ c h c t p, b i d ng, nâng cao nghi p v v công tác ki m tra.

Ch ng VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI S N CÔNG ĐOÀN

Điề u 39. Công đoàn th c hi n quy n t ch và t qu n v tài chính theo quy đ nh c a pháp lu t và c a T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam.

1. Tài chính c a công đoàn g m các ngu n thu sau đây:

a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hàng tháng b ng m t ph n trăm (1%) ti n l ng ho c ti n công.

b. Kinh phí công đoàn trích n p theo t l ph n trăm (%) qu ti n l ng, ti n công, ph c p ph i tr cho CNVCLĐ c a các doanh nghi p và c quan, đ n v . T l trích do Chính ph và Đoàn Ch t ch T ng Liên đoàn Lao đ ng Vi t Nam th ng nh t quy đ nh.

c. Các kho n thu khác: thu t các ho t đ ng văn hoá, th thao, ho t đ ng s n xu t kinh doanh, d ch v do công đoàn t ch c, các kho n tài tr c a các t ch c trong n c và n c ngoài.

2. Tài chính công đoàn dùng đ chi các kho n sau đây:

a. Chi tr l ng cán b chuyên trách, ph c p trách nhi m cán b công đoàn.

b. Chi cho các hoạt động của công đoàn.

c. Chi thăm hỏi, giúp đỡ đoàn viên và làm công tác xã hội do Công đoàn tổ chức.

d. Chi khen thưởng cho các tập thể, cán bộ, đoàn viên và những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn.

Điề u 40. Quản lý tài chính công đoàn thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai. Các cấp công đoàn có nhiệm vụ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Hàng năm ban chấp hành công đoàn thông qua dự toán và quyết toán ngân sách của cấp mình.

Điề u 41. Những tài sản do người và của công đoàn, tài sản do Nhà nước chuyển giao quy định sở hữu cho công đoàn là tài sản thuộc sở hữu công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là chủ sở hữu mặt tài sản của tổ chức Công đoàn Việt Nam. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản và chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng và quản lý các tài sản đó.

Chương VII

KHEN THƯỞNG – KỈ LUẬT

Điề u 42. Cán bộ, đoàn viên công đoàn, những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn, các cấp công đoàn và nghiệp đoàn có thành tích hoạt động xuất sắc được đề nghị công đoàn xét khen thưởng.

Điều 43.

1. Tổ chức, tổ chức ban chấp hành, tổ chức ban thường vụ công đoàn các cấp, cán bộ và đoàn viên Công đoàn Việt Nam nêu vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Công đoàn Việt Nam thì tuân theo mức độ sơ phạm xử lý kỷ luật công khai, chính xác và kịp thời.

2. Hình thức xử lý kỷ luật:

a. Đối với tổ chức, ban chấp hành, tổ chức ban thường vụ công đoàn các cấp: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

b. Đối với cán bộ, đoàn viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

3. Thẩm quyền thi hành kỷ luật:

a. Việc thi hành kỷ luật tổ chức, ban chấp hành, tổ chức ban thường vụ do ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp xét và quyết định.

b. Việc khai trừ đoàn viên do tổ công đoàn hoặc tổ nghiệp đoàn đồng nghiệp ban chấp hành công đoàn cấp, nghiệp đoàn xem xét quyết định. Trường hợp đặc biệt do công đoàn cấp trên quyết định. Đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, sau khi đã sửa chữa khuyết điểm mới có quyền vào ng thì được xét gia nhập lại công đoàn.

c. Việc thi hành kỷ luật một ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do hội nghị ban chấp hành công đoàn cấp đó xét và đồng nghiệp công đoàn cấp trên quyết định. Thi hành kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

d. Việc thi hành kỷ luật kỷ ban kiểm tra hay các ủy viên ủy ban kiểm tra áp dụng hình thức kỷ luật như đối với tập thể ban chấp hành và ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

Chương VIII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 44. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Tập thể, tập thể ban chấp hành, tập thể ban thanh tra và công đoàn các cấp, cán bộ và đoàn viên công đoàn phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Những vi phạm phải phát sinh chế độ quy định trong Điều lệ, giao cho Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, hướng dẫn cho phù hợp với tình hình chung.

Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn toàn quốc thông qua. Chủ Đại hội Công đoàn toàn quốc mới có quyền bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

ĐẠI HỘI LẦN THỨ X

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM